

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BA
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2022/HNGĐ-ST

Ngày 27 tháng 5 năm 2021

"V/v Hôn nhân và gia đình"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA, TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tạ Hồng Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phùng Văn Tân và bà Vi Thị Phụng

- Thư ký phiên tòa: Bà Vi Thị Năm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ: Ông Đoàn Tuấn Anh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 5 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 187/2021/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2021 về “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 09 tháng 5 năm 2022 và Thông báo mở lại phiên tòa số 56/TB-TA ngày 16 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Trần Thị T; sinh năm 1986**

Nơi cư trú: Khu M, xã Q, huyện T, tỉnh Phú Thọ;

Nơi ở hiện nay: Khu L, xã Q, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn S; sinh năm 1979**

Nơi cư trú: Khu M, xã Q, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh S đã được triệu tập đến phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn chị Trần Thị T vắng mặt nhưng theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án, chị T trình bày về nội dung và yêu cầu khởi kiện như sau:

- Chị và anh Nguyễn Văn S tự nguyện kết hôn với nhau ngày 25/5/2008, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N (nay là xã Q), huyện T, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung cùng gia đình anh S tại xã N, huyện T. Quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn bất đồng, anh S nhiều lần đánh chửi chị có lần phải đi viện, mặc dù chị đã cố gắng chịu đựng vì con nhưng anh S vẫn không thay đổi nên từ tháng 8/2021 chị đã không còn sống chung với anh S nữa, vợ

chồng ly thân từ đó cho đến nay. Chị xác định không còn tình cảm vì vậy yêu cầu được ly hôn anh Nguyễn Văn S.

- Về con chung: Chị Trần Thị T trình bày chị và anh Nguyễn Văn S có với nhau 02 con chung là Nguyễn Thị Thùy T; sinh ngày 19/3/2009 và Nguyễn Việt B; sinh ngày 05/9/2010 (hiện nay hai con đều đang ở với anh S). Sau khi ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung là Nguyễn Thị Thùy T, còn anh S sẽ trực tiếp nuôi dưỡng con là Nguyễn Việt B, chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác chị Trần Thị T xác nhận chị và anh Nguyễn Văn S không có nên không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn là anh Nguyễn Văn S vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời trình bày thể hiện quan điểm như sau: Anh S trình bày về thời gian kết hôn, thủ tục kết hôn, thời gian chung sống đúng như chị T đã trình bày ở trên. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do không hợp nhau, anh và chị T đã sống ly thân từ tháng 8/2021 và nay anh cũng yêu cầu được ly hôn chị Trần thị T.

- Về con chung: Anh Nguyễn Văn S trình bày anh và chị Trần Thị T có 02 con chung hiện đều đang ở với anh đúng như chị T đã trình bày trên. Khi ly hôn anh S yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác anh Nguyễn Văn S xác nhận anh và chị Trần Thị T không có nên không yêu cầu giải quyết.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba đã phát biểu quan điểm: Xác định trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T và anh S và giao cho chị T, anh S mỗi người được trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung, không ai phải cấp dưỡng nuôi con

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Trong quá trình tố tụng, chị T từ chối hòa giải và anh S cũng không có mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án. Đối với anh Nguyễn Văn S đã được đã được Tòa án thông báo, triệu tập đến phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt mà không có lý do, còn nguyên đơn là chị Trần Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt do vậy Tòa án quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Văn S kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký kết hôn do vậy là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên,

trong quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn nghiêm trọng không thể giải quyết được dẫn đến phải sống ly thân từ nhiều tháng nay, cả hai đều không còn thực hiện nghĩa vụ của vợ, chồng trong hôn nhân. Xét mâu thuẫn giữa chị T và anh S đến nay không còn khả năng hàn gắn, mục đích của hôn nhân không đạt được vì vậy yêu cầu ly hôn của chị T và anh S là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3]. Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn: Chị T và anh S có 02 con chung như đã trình bày ở trên. Xét yêu cầu được nuôi con của hai bên là nguyện vọng chính đáng, xuất phát từ tình cảm, trách nhiệm của người cha, người mẹ đối với con của mình, cả hai cũng đều có những điều kiện nhất định để nuôi con. Mặc dù anh S yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con nhưng việc chăm sóc nuôi dưỡng con là trách nhiệm chung. Do vậy, để cho mỗi bên đều được thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình đối với con, cũng là sự chia sẻ và giảm bớt khó khăn trong việc nuôi con, đảm bảo cho con có được sự chăm sóc đầy đủ nhất và đáp ứng được nguyện vọng của con nên giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thị Thùy T và giao cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng con là Nguyễn Việt B là phù hợp.

Do chị T và anh S mỗi người đều trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung, không ai có yêu cầu về cấp dưỡng nên trong vụ án này không giải quyết về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[4]. Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác chị Trần Thị T và anh Nguyễn Văn S đều xác nhận không có nên không giải quyết.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn là chị Trần Thị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6]. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T đã phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án. Đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp nên được Hội đồng xét chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- **Xử:** Cho chị Trần Thị T và anh Nguyễn Văn S được ly hôn.

- Về nuôi con chung sau ly hôn:

+ Giao cho chị Trần Thị T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thị Thùy T; sinh ngày 19/3/2009;

+ Giao cho anh Nguyễn Văn S được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Việt B; sinh ngày 05/9/2010

(Cả 02 con chung đều đang ở với anh S tại khu M, xã Q, huyện T, tỉnh Phú Thọ).

Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Văn S đều không phải cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn và có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác không có không giải quyết.

- Về án phí: Chị Trần Thị T phải nộp 300.000.đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị Trần Thị T đã nộp 300.000.đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí tại “*Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án*” số AA/2020/0003261 ngày 09/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Trở lại hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện, tỉnh;
- UBND xã Quảng Yên, h. Thanh Ba;
- Các đơn vị;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- Lưu hồ sơ, án văn

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Tạ Hồng Tuấn